

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-PT

Ngày 14-4-2023

V/v tranh chấp đất đai và tài sản gắn
liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thái

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Huy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp đất đai và tài sản gắn liền với đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2022/QĐPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 23/2023/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thái Quốc V, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố E, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 (theo giấy ủy quyền ngày 15/3/2023) (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Đặng Quang T, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện tại: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đặng Thị Thùy D, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố E, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Quang T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thái Quốc V trình bày:

Ngày 24/10/2019, nguyên đơn có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Đặng Thị Thùy D, theo đó bà D chuyển nhượng cho nguyên đơn thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21, diện tích 395,1m² tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bà D được Văn phòng C1 chứng thực số 003782 quyền số 04/2019TT/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2019. Sau khi hoàn thành các thủ tục thì ngày 07/11/2019 nguyên đơn được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L điều chỉnh biên động đất từ bà D sang cho nguyên đơn.

Quá trình giao dịch, nguyên đơn đã được bà D chỉ đất, sau khi giao đủ tiền thì bà D đã bàn giao đất và tài sản trên đất cho nguyên đơn. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, do căn nhà này đã có quyết định xử lý hành chính buộc tháo dỡ vì xây dựng không phép và xây trên đất trồng cây do đó trong hợp đồng không thể hiện có căn nhà. Khi nguyên đơn tiếp nhận đưa vào sử dụng thì ông Đặng Quang T là cha của bà D tự ý đến chiếm giữ căn nhà trên đất và toàn bộ thửa đất mà nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng không cho nguyên đơn sử dụng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Đặng Quang T phải trả lại cho ông thửa đất mà ông đã nhận chuyển nhượng cùng căn nhà trên đất để ông tháo dỡ nhà theo quyết định xử phạt hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã L.

Bị đơn ông Đặng Quang T trình bày:

Ông xác định thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21, diện tích 395,1m² tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017 mà bà D đã chuyển nhượng cho ông Thái Quốc V là tài sản chung giữa ông và bà D. Nguồn gốc thửa đất trên là của ông và bà D sang nhượng lại của em ruột ông là bà Đặng Thị H năm 2019 với số tiền là 01 tỷ bảy trăm triệu đồng. Bà D góp 850 triệu, ông

góp 250 triệu, còn lại bà H cho ông, việc góp tiền mua chung không làm giấy tờ do đó ông không có tài liệu nộp cho Tòa án. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông thỏa thuận để cho bà D đứng tên, việc bà D sang nhượng lại cho ông V về mặt giấy tờ là hợp pháp nhưng hợp đồng giữa ông V và bà D không có căn nhà nên ông đề xuất ông sẽ giao cho ông V 395m² đất, còn phần đất dư ra và căn nhà là của ông. Trường hợp ông V không đồng ý thì ông trả lại cho bà D 850 triệu đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thùy D trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21, diện tích 395,1m² tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017 là của bà nhận chuyển nhượng lại từ vợ chồng bà Đặng Thị H vào năm 2018. Khi bà sang nhượng đất từ bà H thì trên đất có 01 căn nhà cấp 4, trước đó bà H có cho ba của bà là ông T ở nhờ, sau khi mua xong thì bà vẫn cho ông T ở nhờ. Khi sang nhượng lại đất cho ông V thì bà và ông V có thỏa thuận miệng về việc ông T ở trong căn nhà đó để ông V tự giải quyết. Vì do đất chưa có thổ cư, căn nhà đã bị xử lý hành chính buộc tháo dỡ nên trong hợp đồng chuyển nhượng không thể hiện căn nhà. Bà xác định thửa đất bà sang nhượng cho ông V là tài sản riêng của bà không liên quan gì đến ông T, ông T cho rằng đã góp tiền cùng bà chuyển nhượng đất từ vợ chồng bà H là không có căn cứ, nay bà đề xuất Tòa án giải quyết buộc ông T ra khỏi nhà và trả lại đất cho ông V.

Người làm chứng bà Đặng Thị H trình bày: Bà là em ruột ông T, bà xác nhận lời trình bày của ông T là đúng. Theo bà thì về mặt pháp lý bà D, ông V là đúng nhưng về tình cảm gia đình bà đề xuất Tòa án xem xét cho ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi quyết định:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 166 Luật đất đai năm 2013;
- Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thái Quốc V

Buộc ông Đặng Quang T phải hoàn trả lại cho ông Thái Quốc V thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017 và 01 căn nhà gắn liền với thửa đất.

Về án phí: ông Đặng Quang T phải chịu 75.437.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho ông Thái Quốc V 1.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022705 ngày 10/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định của Luật thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự biết.

Ngày 28/6/2021, bị đơn ông Đặng Quang T kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Ngày 20/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận có quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 05/2021/QĐ-PT đối với kháng cáo quá hạn của ông Đặng Quang T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu ông Đặng Quang T phải trả lại cho ông thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21, diện tích 395,1m² tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017; ông rút yêu cầu đối với việc buộc ông Đặng Quang T phải trả lại cho ông 01 căn nhà trên đất để ông tháo dỡ nhà theo quyết định xử phạt hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã L.

- Bị đơn trình bày: Bà D chỉ đóng góp số tiền 800.000.000 đồng để mua thửa đất, còn số tiền còn lại là do tôi đóng góp để mua đất của bà Đặng Thị H. Việc mua bán giữa ông V và bà D không rõ ràng, minh bạch, ông V không biết diện tích đất, diện tích nhà, tôi đang ở trên đất, đã cầm bằng đất tranh chấp mà tôi không hiểu sao ông V và bà D vẫn mua bán được nên tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông V, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tranh chấp về tài sản là căn nhà trên đất; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn diện tích 395,1m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017, đã được cập nhật sang tên nguyên đơn ngày 07/11/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Ngày 24/10/2019, ông Thái Quốc V có nhận chuyển nhượng của bà Đặng Thị Thùy D thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21, diện tích 395,1m² tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 003782 quyền số 04/2019TT/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2019, được chứng thực tại Văn phòng C1. Ông Thái Quốc V đã đăng ký quyền sử dụng đất, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L cập nhật biến động sang tên ông Thái Quốc V vào ngày 07/11/2019. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V và bà D đã có hiệu lực.

[2] Bị đơn ông Đặng Quang T cho rằng ông có góp 250 triệu để mua thửa đất này với bà Đặng Thị Thùy D, bà Đặng Thị H là em ruột ông T cũng xác nhận lời trình bày của ông T là đúng, nên đây là tài sản chung của ông với bà Đặng Thị Thùy D. Ông T cho rằng người làm chứng cho ông là bà Đặng Thị H, ông Trần Văn C xác nhận có việc ông và bà D hùn tiền mua đất chung nhưng việc này không được bà D thừa nhận; ông T, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền sở hữu chung của ông T với bà D đối với thửa đất này.

Trong khi đó, bà D trình bày bà nhận chuyển nhượng thửa đất đang tranh chấp từ vợ chồng bà Đặng Thị H vào năm 2018, đây là tài sản riêng của bà D, không liên quan gì đến ông T, bà D cho rằng ông T trình bày đây là tài sản chung giữa ông T và bà là không đúng, bà D cũng đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Xét thấy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị Thùy D và vợ chồng ông Trần Văn C, bà Đặng Thị H ngày 04/7/2019 thì người nhận chuyển nhượng là bà D, không có tên ông T trong hợp đồng. Hợp đồng đã được công chứng, chứng thực nên xác định người nhận chuyển nhượng chỉ có bà D.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất đang tranh chấp giữa ông V và bà D là đúng quy định pháp luật, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ. Do đó, việc ông Đặng Quang T cho rằng đây là tài sản góp mua chung giữa ông và bà D là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả đo đạc ngày 10/3/2021 thể hiện phần đất thực tế có hàng rào bao quanh thửa đất có diện tích 492,3m² là chưa phù hợp với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017, bởi giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ thể hiện phần diện tích đất là 395,1m², phần đất chênh lệch không rõ từ đâu ra.

[3.1] Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lại thì kết quả đo đạc lại theo sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L thể hiện phần diện tích đất 395,1m², trên đất có diện tích 21,3m² của căn nhà, còn phần diện tích đất 97,2m² và diện tích 35,7m² của căn nhà không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 351/QĐ-XPHC ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã L đã buộc tháo dỡ căn nhà vì xây dựng không phép trên đất trồng cây lâu năm nên căn nhà không được phép tồn tại. Ngoài ra, theo văn bản số 608/UBND-TNMT ngày 13/3/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã L thì thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017, có mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm. Vì vậy, việc xây dựng cổng và tường rào trên đất nông nghiệp là sai mục đích và không có giấy phép xây dựng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đặng Quang T phải trả lại phần đất cho ông Thái Quốc V thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21 mà không ghi rõ diện tích đất và tuyên buộc ông T phải trả 01 căn nhà gắn liền với thửa đất là không phù hợp.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất diện tích 395,1m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229, rút yêu cầu bị đơn giao trả căn nhà vì nhà đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính buộc tháo dỡ, trả lại diện tích đất. Do đó, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ đối với yêu cầu trả lại căn nhà trên đất theo thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21, diện tích 395,1m² tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017.

[3.3] Đối với chi tiết cụ thể của thửa đất tranh chấp, do Tòa án cấp sơ thẩm không thể hiện chi tiết diện tích dẫn đến khó khăn trong việc thi hành án nên Tòa án cấp phúc thẩm đã xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lại, đã có bản vẽ sơ đồ hiện trạng thửa đất chi tiết, do đó cần sửa lại cụ thể chi tiết vị trí thửa đất cho phù hợp. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ghi rõ các điểm theo sơ đồ hiện trạng đã đo vẽ ngày 11/7/2022.

[3.4] Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận thấy tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp đất đai và tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu khởi kiện của ông Thái Quốc V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không ghi rõ tranh chấp thuộc khoản nào tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa đúng nên Hội đồng xét xử sẽ bổ sung đối với phần này.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đặng Quang T, hủy một phần

bản án sơ thẩm và đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại căn nhà, sửa bản án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21.

[5] Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Đặng Quang T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lại tại cấp phúc thẩm. Bị đơn ông Đặng Quang T đã nộp đủ số tiền này.

[6] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo bị đơn ông Đặng Quang T không phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét đến.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Quang T.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã La Gi và đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại căn nhà.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã La Gi đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21.

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã La Gi và đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại căn nhà trên thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21, diện tích 395,1m² tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Quốc V về việc buộc ông Đặng Quang T phải trả lại cho ông Thái Quốc V thửa đất số 19, tờ bản đồ số 21, diện tích 395,1m² tọa lạc tại thôn P, xã T, thị xã L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/8/2017 (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L ngày 11/7/2022, vị trí điểm 2-3-4-5).

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L ngày 11/7/2022).

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Đặng Quang T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lại tại cấp phúc thẩm. Bị đơn ông Đặng Quang T đã nộp đủ số tiền này.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Quang T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông Đặng Quang T số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004650 ngày 16/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/4/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái